

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 06/2025/DS-ST.

Ngày: 13-02-2025.

"V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Bùi Văn Khanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:

03/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện P; tỉnh Hậu Giang; người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang; địa chỉ liên hệ: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Trương Văn B trình bày như sau:

Do ông B làm nghề kinh doanh mua bán đất, ông Đ làm môi giới mua bán đất nên có quen biết với nhau vì vậy ông B có cho ông Đ vay tiền 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 19/9/2023, ông B có cho ông Đ vay số tiền 250.000.000 đồng; khi vay thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 3%/tháng; mục đích ông Đ vay tiền để làm ăn; thời hạn vay 03 tháng; khi vay ông Đ không có thể chấp tài sản. Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền ngày 19/9/2023 được công chứng, chứng thực tại Văn phòng C, sau khi ông Đ ký tên vào hợp đồng vay tiền ông B đã giao trực tiếp cho ông Đ số tiền 250.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 24/10/2023, ông B tiếp tục cho ông Đ vay số tiền 300.000.000 đồng; khi vay thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 3%/tháng; mục đích ông Đ vay tiền để làm ăn; thời hạn vay 03 tháng; khi vay ông Đ không có thể chấp tài sản. Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền ngày 24/10/2023 được công chứng, chứng thực tại Văn phòng C, sau khi ông Đ ký tên vào hợp đồng vay tiền ông B đã giao trực tiếp cho ông Đ số tiền 350.000.000 đồng. Trong quá trình vay, ông Đ chưa trả cho ông B số tiền lãi lần nào nhưng khoảng cuối tháng 10/2023 do không sử dụng hết số tiền đã vay nên ông Đ đã trả lại cho ông B số tiền 200.000.000, do đó đối với Hợp đồng vay tiền ngày

24/10/2023 ông Đ chỉ còn nợ lại ông B số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Hết thời hạn vay như đã thỏa thuận, ông B yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền còn nợ nhiều lần nhưng ông Đ hứa hẹn, lần tránh cho đến nay không thanh toán số tiền còn nợ.

Nay ông B yêu cầu giải quyết như sau:

- Yêu cầu ông Đ phải trả số tiền vốn là 250.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 19/9/2023 và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 19/9/2023 đến ngày 06/10/2024 là 15 tháng 18 ngày với số tiền là 64.739.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 314.739.000 đồng.

- Yêu cầu ông Đ phải trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/10/2023 và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 24/10/2023 đến ngày 06/01/2025 là 14 tháng 13 ngày với số tiền là 23.959.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 123.959.000 đồng.

Tại phiên tòa ông H đại diện theo ủy quyền của ông B thay đổi một phần ý kiến đã trình bày về lãi suất, ông H yêu cầu giải quyết:

- Yêu cầu ông Đ phải trả số tiền vốn là 250.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 19/9/2023 và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 19/9/2023 đến ngày 13/02/2025 là 16 tháng 25 ngày với số tiền là 34.925.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 284.925.000 đồng.

- Yêu cầu ông Đ phải trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 24/10/2023 và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 24/10/2023 đến ngày 13/02/2025 là 15 tháng 20 ngày với số tiền là 13.003.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 113.003.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Khắc Đ được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông Đ được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn ông Đ được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn B. Buộc Nguyễn Khắc Đ phải trả cho ông Trương Văn B số tiền vốn còn nợ là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 47.928.000 đồng. Tổng cộng 397.928.000 đồng.

Buộc ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.896.400 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại thị xã B được Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Mục đích bị đơn vay tiền để làm ăn, không nhằm mục đích kinh doanh và không có đăng ký kinh doanh nên có căn cứ xác định đây là vụ án

tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B: Xét ông B có cho ông Đ vay số tiền 350.000.000 đồng là có thật căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 19/9/2023 và Hợp đồng vay tiền ngày 24/10/2023 được công chứng, chứng thực tại Văn phòng C nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông B nhưng không có ý kiến hoặc phản bác đối với yêu cầu này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Đ không trả tiền vốn lãi cho ông B là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, do đó ông B yêu cầu ông Đ phải trả lại số tiền vốn còn nợ là 350.00.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[4.2] Xét về tiền lãi: Theo nội dung các hợp đồng vay tiền ngày 19/9/2023 và ngày 24/10/2023 thể hiện về tiền lãi do các bên thỏa thuận. Như đã phân tích trên, trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ đã được Tòa án thông báo về việc ông B yêu cầu trả tiền lãi nhưng ông Đ không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu này. Tại phiên tòa, ông H là người đại diện theo ủy quyền của ông B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, yêu cầu ông Đ phải trả tiền lãi theo lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày nhận tiền cho đến ngày 13/02/2025. Xét việc thay đổi này của ông H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho ông Đ và phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết 01/2009/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận, lãi suất của hai khoản tiền vay được tính như sau:

- Số tiền vốn vay 250.000.000 đồng: $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng}$ 25 ngày = 34.925.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là: 284.925.000 đồng.

- Số tiền vốn vay 100.000.000 đồng: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng}$ 20 ngày = 13.003.000.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là: 113.003.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn lãi của cả hai khoản tiền vay là: 397.928.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông B không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn B. Buộc ông Nguyễn Khắc Đ phải trả cho ông Trương Văn B số tiền vốn còn nợ là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 47.928.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn đồng). Tổng cộng vốn lãi là 397.928.000 đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Khắc Đ phải chịu 19.896.400 đồng (Mười chín triệu, tám trăm chín mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 10.309.000 đồng (Mười triệu, ba trăm lẻ chín ngàn đồng) theo biên lai thu số N₀ 0013009 nộp ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Vĩnh Long;
- Viện Kiểm sát thị xã Bình Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Trường